

STT	Đơn vị	Mã TS	Tên tài sản	Ngày tăng	SL	Nguyên giá	Hao mòn	Giá
1	Khoa Vật Lý - VP	01301.02.030000.001	Máy tính HP Compaq DX7510MT,LCD 17"	01/01/2012	1	14.741.407	14.741.407	
2	Khoa Hoá - VP	01001.00.120000.004	Bàn sơn DT 1890 H35 (1,8m)	01/01/2010	1	4.472.000	4.472.000	
3	Trung tâm THPT	03701.01.030305.001	Máy in đơn sắc Oliverti Pr2 Plus	15/05/2013	1	16.900.000	13.520.000	
4	Ngành Sinh học	06701.02.030000.002	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Hồng Ban	30/06/2012	1	14.064.223	14.064.223	
5	Khoa Sinh Học - TH	01602.00.030000.072	Cân phân tích điện tử	01/01/2003	1	29.452.800	29.452.800	
6	Khoa Sinh Học - TH	01602.00.030000.271	Cân phân tích	01/01/2012	1	47.000.000	41.125.000	
7	Khoa Sinh Học - TH	01602.00.030000.066	Máy quang phổ tử ngoại UV/VIS + phụ kiện	01/01/2003	1	91.899.600	91.899.600	
8	Khoa Sinh Học - TH	01602.00.030000.247	Cân phân tích - Sartorius	01/01/2010	1	52.500.000	52.500.000	
9	Khoa Sinh Học - TH	01602.00.030000.046	Buret tự động hiện số- Cole-Parmer	01/01/2002	1	13.174.400	13.174.400	
10	Khoa Sinh Học - TH	01602.00.030000.111	Bộ đo thời tiết	01/01/2005	1	24.000.000	24.000.000	
11	Khoa Sinh Học - TH	01602.00.030000.149	Máy chiếu slides projecto magic	01/01/2005	1	12.680.908	12.680.908	
12	Khoa Sinh Học - TH	01602.00.030000.155	Thiết bị đo gió 451104	01/01/2005	1	10.144.726	10.144.726	
13	Khoa Sinh Học - TH	01602.04.030000.039	Máy tính HP Compaq dc5800	01/01/2012	1	15.015.000	15.015.000	
14	Khoa Sinh Học - TH	01602.00.110000.146	Điều hoà 2 cục LG	19/11/2015	1	9.350.000	9.350.000	
15	Khoa Sinh Học - TH	01602.00.110000.165	Điều hoà 2 cục 1chiều Panasonic 12.000 BTU	19/11/2015	1	9.000.000	9.000.000	
16	Trung tâm THPT	03701.00.110000.001	Điều hòa 12000BTU	19/11/2015	1	9.280.000	9.280.000	
17	Khoa Hóa: Kiểm định thực phẩm - 203 & 204	03710.01.110000.001	Máy đo PH cầm tay - 2016 - Chì Lâm	15/03/2016	2	4.800.000	4.800.000	
18	Khoa Hoá - TH	01002.00.030000.189	Cân Phân tích	01/01/2012	1	97.000.000	97.000.000	
19	Khoa Hoá - TH	01002.10.030000.027	Máy tính để bàn Hãng SX: Dell TN 411 Lê Thị Thu Hiệp	31/12/2014	1	14.000.000	14.000.000	
20	Khoa Hoá - TH	01002.10.030000.031	Máy tính để bàn Hãng SX: Dell TN 411 Lê Thị Thu Hiệp	31/12/2014	1	14.000.000	14.000.000	
21	Khoa Hoá - TH	01002.00.030000.079	Máy điện hoá và cực phổ	01/01/2005	1	793.164.000	793.164.000	
22	Khoa Hóa - 113:	03764.00.120000.001	Bàn thí nghiệm lìm 2m	01/01/2000	1	280.000	280.000	
23	Khoa Hóa - 113:	03764.00.120000.004	Ghế giáo viên phòng học	01/01/2005	1	130.000	130.000	
24	Khoa Hóa - 113:	03764.00.120000.007	Tủ lìm 1.8 m	01/01/2004	1	900.000	900.000	
25	Khoa Vật Lý - TH	01302.02.030000.039	Máy tính HP Compaq dc5800	01/01/2012	1	14.332.500	14.332.500	
26	Khoa Sinh Học - TH	01602.00.030000.243	Máy chiếu đa năng - Panasonic	01/01/2010	1	34.300.000	34.300.000	
27	Khoa Hoá - TH	01002.00.030000.013	Cân kỹ thuật điện tử (Sartorius)	01/01/2002	1	40.635.000	40.635.000	
28	Khoa Hoá - TH	01002.00.030000.026	Bộ phân tích nước bằng PP so màu	01/01/2002	1	82.950.000	82.950.000	
29	Trường Chuyên: Phòng Thực hành TA, Tin học	00542.01.030104.042	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3046 MT	26/04/2012	1	16.600.000	16.600.000	
30	Trường Chuyên: Phòng Thực hành TA, Tin học	00542.01.030104.097	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3046 MT	26/04/2012	1	16.600.000	16.600.000	
31	Trường Chuyên: Phòng Thực hành TA, Tin học	00542.01.030104.084	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3046 MT	26/04/2012	1	16.600.000	16.600.000	
32	Trường Chuyên: Phòng Thực hành TA, Tin học	00542.01.030104.056	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3046 MT	26/04/2012	1	16.600.000	16.600.000	
33	Khoa Hóa: Hóa hữu cơ 407-408	03718.01.030104.001	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020 MT - Nguyễn Thị Tâm	19/04/2016	1	18.500.000	16.600.000	
34	Khoa Hoá - TH	01002.00.110000.058	Cân điện tử KB600-2, 610 : 0.01 g	19/11/2015	1	7.860.400	7.860.400	
35	Khoa Hoá - TH	01002.00.030000.067	Máy quang phổ UV-Vis 190-1100nm	01/01/2005	1	218.990.600	218.990.600	
36	Khoa Hoá - TH	01002.00.030000.076	Khối Hệ thốngphản ứng đun, khuấy	01/01/2005	1	127.286.000	127.286.000	
37	Khoa Hoá - TH	01002.00.110000.056	Máy khuấy từ RCT cùng bếp đun	19/11/2015	1	8.612.200	8.612.200	
38	Phòng vẽ kỹ thuật	02106.00.120000.005	Tủ đựng tài liệu cửa kính	01/01/2005	1	1.450.000	1.450.000	
39	Khoa XD: Kiểm định công trình 2 - 104	03722.00.120000.004	Ghế tựa Xuân Hòa	01/01/2006	1	113.000	113.000	
40	Khoa XD: Kiểm định công trình 1 - 101	03723.00.120000.003	Ghế tựa khung sắt	01/01/2002	1	130.000	130.000	
41	Khoa XD: Kiểm định công trình 1 - 101	03723.00.120000.004	Ghế tựa đệm Hòa Phát	01/01/2006	1	113.000	113.000	
42	Khoa XD: Kiểm định công trình 1 - 101	03723.00.120000.006	Ghế Thí nghiệm sinh viên	01/01/2006	1	154.000	154.000	
43	Khoa XD: Cơ đất, nền móng - 103	03721.00.120000.006	Ghế tựa đệm Hòa Phát	01/01/2006	1	113.000	113.000	
44	Khoa Xây dựng - TH	02102.01.030000.025	Máy chiếu NEC P401w	15/04/2015	1	26.900.000	26.900.000	
45	Tổ xây dựng - Phòng thực hành 01	07901.01.110000.163	Màn chiếu điện - 2018	13/06/2013	1	2.750.000	2.750.000	
46	Trung tâm THPT	03701.00.030000.013	Máy tính lenovo Think centre Edge	01/01/2012	1	11.149.243	11.149.243	
47	Trung tâm THPT	03701.02.030000.017	Máy tính Dell Vostro 260	01/09/2013	1	10.898.416	10.898.416	
48	Trung tâm THPT	03701.00.120000.010	Ghế xoay da (TP/TK/GD)	01/01/2010	1	4.170.000	4.170.000	
49	Khoa CNTT - TH	00202.02.110000.011	Wireless Accesspoint	01/01/2012	2	3.806.000	3.806.000	
50	Phòng biên tập và xuất bản bài giảng - TCNL 201	00207.10.120000.002	Ghế máy tính Hòa Phát G811H	31/12/2014	5	9.350.000	9.350.000	
51	Khoa CNTT - TH	00202.10.110000.105	Mở hàn	26/05/2014	2	1.326.600	1.326.600	

STT	Đơn vị	Mã TS	Tên tài sản	Ngày tăng	SL	Nguyên giá	Hao mòn	Giá
52	Phòng biên tập và xuất bản bài giảng - TCNL 201	00207.10.120000.001	Bàn máy tính Hòa Phát SVB002	31/12/2014	5	8.250.000	8.250.000	
53	Khoa CNTT - TH	00202.02.110000.020	GSM modem	01/01/2012	1	2.640.000	2.640.000	
54	Khoa CNTT - TH	00202.10.110000.066	Màn hình 18.5" ASUS- VH197T (LED)	26/05/2014	2	5.495.600	5.495.600	
55	Khoa Giáo dục	00901.00.110000.013	Máy in cannon 3300	19/11/2015	1	5.800.000	5.800.000	
56	Khoa Giáo dục	00901.01.030000.018	Đàn Organ Yamaha S650	13/06/2013	1	24.500.000	24.500.000	
57	Phòng CTCT & HSSV	02601.00.030000.053	Máy tính để bàn All in One ASUS	26/03/2013	1	21.225.000	21.225.000	
58	Phòng CTCT & HSSV	02601.00.030000.058	Máy tính để bàn All in One ASUS	26/03/2013	1	21.225.000	21.225.000	
59	Văn Phòng Đảng Ủy	04601.00.120000.005	Ghế tiếp khách (ghế da cũ)	01/01/2010	2	3.758.922	3.758.922	
60	VP công đoàn trường	04501.00.120000.004	Ghế tiếp khách (ghế da cũ)	01/01/2010	3	5.638.382	5.638.382	
61	TT ĐB chất lượng	03901.00.030000.044	Máy tính để bàn All in One ASUS	26/03/2013	1	21.225.000	21.225.000	
62	TT ĐB chất lượng	03901.00.110000.002	Máy in Canon 3050	01/01/2010	4	11.880.000	11.880.000	
63	TT ĐB chất lượng	03901.00.110000.008	Máy in HP1160	19/11/2015	1	5.352.900	5.352.900	
64	TT ĐB chất lượng	03901.00.120000.007	Bàn sơn DT 1890 H35 (1,8m)	01/01/2010	2	8.944.000	8.944.000	
65	TT ĐB chất lượng	03901.01.110000.001	Bộ lưu điện UPS - Dùng cho máy lưu trữ đề thi SĐH, VL.VH 08/1	01/08/2016	1	4.951.000	4.951.000	
66	TT ĐB chất lượng	03901.00.120000.004	Bàn sơn ET 1400C (1,4m)	01/01/2010	1	2.850.000	2.850.000	
67	TT ĐB chất lượng	03901.00.120000.011	Ghế xoay da (TP/TK/GĐ cũ)	01/01/2010	2	7.771.111	7.771.111	
68	Phòng NCKH - TB	02801.07.030000.002	Máy chiếu đa phương tiện XD600U	18/09/2014	1	54.978.000	54.978.000	
69	P. Hợp tác Quốc tế	02301.00.030000.027	Máy tính để bàn All in One ASUS	25/09/2013	1	21.225.000	21.225.000	
70	Phòng NCKH - TB	02801.00.030000.139	Máy tính để bàn All in One ASUS	26/03/2013	1	21.225.000	21.225.000	
71	P. Hợp tác Quốc tế	02301.00.110000.005	Máy in Laze HP 1160	19/11/2015	1	6.336.750	6.336.750	
72	Phòng NCKH - TB	02801.00.110000.025	Máy in Laze 1160	19/11/2015	1	6.636.000	6.636.000	
73	Trạm Y tế	03201.07.030000.001	Máy tính học viên Lenovo think Centre E 72	24/03/2014	1	13.508.000	13.508.000	
74	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030000.003	ổn áp Lioa 30 KVA	6/01/2013	1	31.713.000	31.713.000	
75	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030000.004	ổn áp Lioa 30 KVA	6/01/2013	1	31.713.000	31.713.000	
76	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030109.004	Máy tính để bàn dành cho giáo viên think centre E73	6/01/2013	1	24.741.200	24.741.200	
77	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030109.008	Máy tính để bàn Acer Veriton X4620G	6/01/2013	1	18.364.500	18.364.500	
78	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030109.009	Máy tính để bàn Acer Veriton X4620G	6/01/2013	1	18.364.500	18.364.500	
79	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030109.019	Máy tính để bàn dành cho học viên Lenovo Think centre E73 TWR	6/01/2013	1	24.741.200	24.741.200	
80	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030109.020	Máy tính để bàn dành cho học viên Lenovo Think centre E73 TWR	6/01/2013	1	24.741.200	24.741.200	
81	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030109.021	Máy tính để bàn dành cho học viên Lenovo Think centre E73 TWR	6/01/2013	1	24.741.200	24.741.200	
82	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030109.022	Máy tính để bàn dành cho học viên Lenovo Think centre E73 TWR	6/01/2013	1	24.741.200	24.741.200	
83	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030109.023	Máy tính để bàn dành cho học viên Lenovo Think centre E73 TWR	6/01/2013	1	24.741.200	24.741.200	
84	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030109.024	Máy tính để bàn dành cho học viên Lenovo Think centre E73 TWR	6/01/2013	1	24.741.200	24.741.200	
85	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030109.025	Máy tính để bàn dành cho học viên Lenovo Think centre E73 TWR	6/01/2013	1	24.741.200	24.741.200	
86	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030109.026	Máy tính để bàn dành cho học viên Lenovo Think centre E73 TWR	6/01/2013	1	24.741.200	24.741.200	
87	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030109.027	Máy tính để bàn dành cho học viên Lenovo Think centre E73 TWR	6/01/2013	1	24.741.200	24.741.200	
88	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030109.028	Máy tính để bàn dành cho học viên Lenovo Think centre E73 TWR	6/01/2013	1	24.741.200	24.741.200	
89	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030109.029	Máy tính để bàn dành cho học viên Lenovo Think centre E73 TWR	6/01/2013	1	24.741.200	24.741.200	
90	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030109.030	Máy tính để bàn dành cho học viên Lenovo Think centre E73 TWR	6/01/2013	1	24.741.200	24.741.200	
91	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030109.031	Máy tính để bàn dành cho học viên Lenovo Think centre E73 TWR	6/01/2013	1	24.741.200	24.741.200	
92	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030109.032	Máy tính để bàn dành cho học viên Lenovo Think centre E73 TWR	6/01/2013	1	24.741.200	24.741.200	
93	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030109.033	Máy tính để bàn dành cho học viên Lenovo Think centre E73 TWR	6/01/2013	1	24.741.200	24.741.200	
94	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030109.034	Máy tính để bàn dành cho học viên Lenovo Think centre E73 TWR	6/01/2013	1	24.741.200	24.741.200	
95	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030109.035	Máy tính để bàn dành cho học viên Lenovo Think centre E73 TWR	6/01/2013	1	24.741.200	24.741.200	
96	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030109.036	Máy tính để bàn dành cho học viên Lenovo Think centre E73 TWR	6/01/2013	1	24.741.200	24.741.200	
97	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030109.037	Máy tính để bàn dành cho học viên Lenovo Think centre E73 TWR	6/01/2013	1	24.741.200	24.741.200	
98	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030109.038	Máy tính để bàn dành cho học viên Lenovo Think centre E73 TWR	6/01/2013	1	24.741.200	24.741.200	
99	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030109.039	Máy tính để bàn dành cho học viên Lenovo Think centre E73 TWR	6/01/2013	1	24.741.200	24.741.200	
100	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030203.001	Máy tính xách tay Dell Vostro 3460	6/01/2013	1	16.896.000	16.896.000	
101	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030203.002	Máy tính xách tay Dell Vostro 3460	6/01/2013	1	16.896.000	16.896.000	
102	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030203.003	Máy tính xách tay Dell Vostro 3460	6/01/2013	1	16.896.000	16.896.000	
103	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030203.004	Máy tính xách tay Dell Vostro 3460	6/01/2013	1	16.896.000	16.896.000	
104	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030203.005	Máy tính xách tay Dell Vostro 3460	6/01/2013	1	16.896.000	16.896.000	
105	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030203.006	Máy tính xách tay cho giáo viên Dell Vostro 3560	6/01/2013	1	19.250.000	19.250.000	

STT	Đơn vị	Mã TS	Tên tài sản	Ngày tăng	SL	Nguyên giá	Hao mòn	Giá
106	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030203.007	Máy tính xách tay cho giáo viên Dell Vostro 3560	6/01/2013	1	19.250.000	19.250.000	
107	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030203.008	Máy tính xách tay cho giáo viên Dell Vostro 3560	6/01/2013	1	19.250.000	19.250.000	
108	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030203.009	Máy tính xách tay cho giáo viên Dell Vostro 3560	6/01/2013	1	19.250.000	19.250.000	
109	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030203.010	Máy tính xách tay cho giáo viên Dell Vostro 3560	6/01/2013	1	19.250.000	19.250.000	
110	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030203.011	Máy tính xách tay cho giáo viên Dell Vostro 3560	6/01/2013	1	19.250.000	19.250.000	
111	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030203.012	Máy tính xách tay cho giáo viên Dell Vostro 3560	6/01/2013	1	19.250.000	19.250.000	
112	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030203.013	Máy tính xách tay cho giáo viên Dell Vostro 3560	6/01/2013	1	19.250.000	19.250.000	
113	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030203.014	Máy tính xách tay cho giáo viên Dell Vostro 3560	6/01/2013	1	19.250.000	19.250.000	
114	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030203.015	Máy tính xách tay cho giáo viên Dell Vostro 3560	6/01/2013	1	19.250.000	19.250.000	
115	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030203.016	Máy tính xách tay cho giáo viên Dell Vostro 3560	6/01/2013	1	19.250.000	19.250.000	
116	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030203.017	Máy tính xách tay cho giáo viên Dell Vostro 3560	6/01/2013	1	19.250.000	19.250.000	
117	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030203.018	Máy tính xách tay cho giáo viên Dell Vostro 3560	6/01/2013	1	19.250.000	19.250.000	
118	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030203.019	Máy tính xách tay cho giáo viên Dell Vostro 3560	6/01/2013	1	19.250.000	19.250.000	
119	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030203.020	Máy tính xách tay cho giáo viên Dell Vostro 3560	6/01/2013	1	19.250.000	19.250.000	
120	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030205.001	Máy tính xách tay Acer Travel Mate P643-M	6/01/2013	1	20.790.000	20.790.000	
121	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030205.002	Máy tính xách tay Acer Travel Mate P643-M	6/01/2013	1	20.790.000	20.790.000	
122	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030205.003	Máy tính xách tay Acer Travel Mate P643-M	6/01/2013	1	20.790.000	20.790.000	
123	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030205.004	Máy tính xách tay Acer Travel Mate P643-M	6/01/2013	1	20.790.000	20.790.000	
124	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030205.005	Máy tính xách tay Acer Travel Mate P643-M	6/01/2013	1	20.790.000	20.790.000	
125	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030205.006	Máy tính xách tay Acer Travel Mate P643-M	6/01/2013	1	20.790.000	20.790.000	
126	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030205.007	Máy tính xách tay Acer Travel Mate P643-M	6/01/2013	1	20.790.000	20.790.000	
127	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030205.008	Máy tính xách tay Acer Travel Mate P643-M	6/01/2013	1	20.790.000	20.790.000	
128	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030205.009	Máy tính xách tay Acer Travel Mate P643-M	6/01/2013	1	20.790.000	20.790.000	
129	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030205.010	Máy tính xách tay Acer Travel Mate P643-M	6/01/2013	1	20.790.000	20.790.000	
130	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030205.011	Máy tính xách tay Acer Travel Mate P643-M	6/01/2013	1	20.790.000	20.790.000	
131	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030205.012	Máy tính xách tay Acer Travel Mate P643-M	6/01/2013	1	20.790.000	20.790.000	
132	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030205.013	Máy tính xách tay Acer Travel Mate P643-M	6/01/2013	1	20.790.000	20.790.000	
133	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030206.001	Máy tính xách tay Sony VaiO EVE 14126CX B/W	6/01/2013	1	23.394.715	23.394.715	
134	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030206.002	Máy tính xách tay Sony VaiO EVE 14126CX B/W	6/01/2013	1	23.394.715	23.394.715	
135	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030206.003	Máy tính xách tay Sony VaiO EVE 14126CX B/W	6/01/2013	1	23.394.714	23.394.714	
136	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030206.004	Máy tính xách tay Sony VaiO EVE 14126CX B/W	6/01/2013	1	23.394.714	23.394.714	
137	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030206.005	Máy tính xách tay Sony VaiO EVE 14126CX B/W	6/01/2013	1	23.394.714	23.394.714	
138	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030206.006	Máy tính xách tay Sony VaiO EVE 14126CX B/W	6/01/2013	1	23.394.714	23.394.714	
139	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030206.007	Máy tính xách tay Sony VaiO EVE 14126CX B/W	6/01/2013	1	23.394.714	23.394.714	
140	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030401.001	Máy photocopy Cannon	6/01/2013	1	55.306.000	39.566.250	
141	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030501.004	Máy điều hòa nhiệt độ LG 12BTU + phụ kiện lắp đặt	6/01/2013	1	17.697.900	11.061.189	
142	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030501.005	Điều hòa LG S42 ENA	6/01/2013	1	20.900.000	13.062.500	
143	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030501.006	Điều hòa LG S42 ENA	6/01/2013	1	20.900.000	13.062.500	
144	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030501.007	Điều hòa LG S42 ENA	6/01/2013	1	20.900.000	13.062.500	
145	Phòng thực hành máy tính TV201	02705.01.030501.008	Điều hòa LG S42 ENA	6/01/2013	1	20.900.000	13.062.500	
146	Khoa ĐTVT - VP	00701.00.030000.011	Máy in mã vạch EZ 1100P Godex	18/03/2016	1	13.800.000	13.800.000	
147	Khoa ĐTVT - VP	00701.00.030101.001	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3110	31/12/2012	1	15.538.000	15.538.000	
148	Khoa ĐTVT - VP	00701.00.110000.003	Điều hòa LG 12000 BTU	19/11/2015	1	7.100.000	7.100.000	
149	Khoa ĐTVT - VP	00701.00.110000.004	Điều hòa LG 12000 BTU	19/11/2015	1	7.100.000	7.100.000	
150	Khoa ĐTVT - VP	00701.00.120000.004	Ghế tựa đệm da	01/01/2010	6	6.990.000	6.990.000	
151	Khoa ĐTVT - VP	00701.00.120000.011	Bàn họp 3m	01/01/2010	1	3.770.000	3.770.000	
152	Khoa ĐTVT - VP	00701.00.120000.017	Tủ 1.84 m	19/11/2015	1	7.120.000	7.120.000	
153	Phòng TH: PPGD -	00206.10.030000.030	Điều hòa nhiệt độ Sharp AH XP13NWS	31/12/2014	2	33.990.000	33.990.000	
154	Phòng TH: PPGD -	00206.10.120000.006	Vách ngăn văn phòng Hòa Phát	31/12/2014	20	23.100.000	23.100.000	
155	Phòng TH: PPGD -	00206.10.120000.007	Cabin dành cho học viên Hòa Phát BLV01	19/11/2015	1	5.500.000	5.500.000	
156	Phòng TH: PPGD -	00206.10.120000.008	Cabin dành cho học viên Hòa Phát BLV01	19/11/2015	1	5.500.000	5.500.000	
157	Phòng TH: PPGD -	00206.10.120000.009	Cabin dành cho học viên Hòa Phát BLV01	19/11/2015	1	5.500.000	5.500.000	
158	Phòng TH: PPGD -	00206.10.120000.010	Cabin dành cho học viên Hòa Phát BLV01	19/11/2015	1	5.500.000	5.500.000	
159	Phòng TH: PPGD -	00206.10.120000.011	Cabin dành cho học viên Hòa Phát BLV01	19/11/2015	1	5.500.000	5.500.000	

STT	Đơn vị	Mã TS	Tên tài sản	Ngày tăng	SL	Nguyên giá	Hao mòn	Giá
160	Phòng TH: PPGD -	00206.10.120000.012	Cabin dành cho học viên Hòa Phát BLV01	19/11/2015	1	5.500.000	5.500.000	
161	Phòng SH bộ môn PPGD	00205.10.030000.008	Điều hòa nhiệt độ Sharp AH-XP13NWS	31/12/2014	1	16.995.000	16.995.000	
162	Phòng thực hành PPGD	00902.10.030000.002	Máy chiếu gần SONY VPL SW620	31/12/2014	1	39.996.000	39.996.000	
163	Phòng thực hành PPGD	00902.10.030000.003	Máy tính xách tay Dell Inspiron T7347	31/12/2014	1	25.960.000	25.960.000	
164	Phòng thực hành PPGD	00902.10.030000.007	Loa JBL JRX 225	31/12/2014	1	18.975.000	18.975.000	
165	Phòng thực hành PPGD	00902.10.110000.002	Máy in Laser HP P2035	19/11/2015	1	5.995.000	5.995.000	
166	Phòng thực hành PPGD	00902.10.120000.001	Tủ gỗ Hòa Phát SME8650	31/12/2014	1	3.685.000	3.685.000	
167	TT Ngoại ngữ Tin học - B1304	04102.00.110000.020	Máy vi tính CMS - Xmedia, LCD 18,5"	19/11/2015	1	7.700.000	7.700.000	
168	TT Ngoại ngữ Tin học - B1304	04102.00.110000.021	Điều hòa LG 12000 BTU	19/11/2015	1	7.100.000	7.100.000	
169	TT Ngoại ngữ Tin học - B1304	04102.00.110000.022	Điều hòa LG 12000 BTU	19/11/2015	1	7.100.000	7.100.000	
170	Phòng biên tập và xuất bản bài giảng - TCNL 201	00207.10.030000.009	Điều hòa nhiệt độ Sharp AH XP13NWS	31/12/2014	1	16.995.000	16.995.000	
171	TT Ngoại ngữ tin học A0	04101.00.110000.002	Quạt cây Thái	01/01/1997	1	370.000	370.000	
172	TT Ngoại ngữ tin học A0	04101.00.120000.001	Bàn sơn 1.8 m	01/01/2010	1	4.472.000	4.472.000	
173	TT Ngoại ngữ tin học A0	04101.00.120000.002	Bàn sơn 1.4m	01/01/2010	3	8.550.000	8.550.000	
174	TT Ngoại ngữ tin học A0	04101.00.120000.003	Bàn sơn 1.0 m	01/01/2010	1	2.540.000	2.540.000	
175	TT Ngoại ngữ tin học A0	04101.00.120000.004	Bàn sơn 2m	01/01/2010	1	3.770.000	3.770.000	
176	TT Ngoại ngữ tin học A0	04101.00.120000.005	Bàn làm việc	01/01/2002	1	685.003	685.003	
177	TT Ngoại ngữ tin học A0	04101.00.120000.006	Tủ sắt Hòa Phát 6 cánh	01/01/2006	2	4.400.000	4.400.000	
178	TT Ngoại ngữ tin học A0	04101.00.120000.007	Tủ sắt Hòa Phát 2 cánh	01/01/2006	1	1.375.000	1.375.000	
179	TT Ngoại ngữ tin học A0	04101.00.120000.008	Ghế xoay da (TP/TK/GD)	01/01/2010	1	3.960.000	3.960.000	
180	TT Ngoại ngữ tin học A0	04101.00.120000.009	Ghế tựa da	01/01/2010	6	6.990.000	6.990.000	
181	TT Ngoại ngữ tin học A0	04101.00.120000.011	Bảng khung nhôm 2.4 m	01/01/2002	1	2.100.000	2.100.000	
182	TT Ngoại ngữ tin học A0	04101.00.120000.012	Tủ sơn 1,84 m	19/11/2015	1	7.120.000	7.120.000	
183	TT Ngoại ngữ tin học A0	04101.00.120000.013	Tủ sơn 1,35 m	19/11/2015	1	5.260.000	5.260.000	
184	Trung tâm TDIT	03601.00.120000.015	Bảng khung nhôm	5/01/2012	1	1.050.000	1.050.000	
185	TT nội trú: Ký túc xá số 4	04207.00.120000.004	Tủ đầu giường	01/01/2003	8	5.803.840	5.803.840	
186	TT nội trú: Ký túc xá số 4	04207.00.120000.007	Giường gỗ 4111 -1; 4209-2;4411-2;	01/01/2002	5	843.885	843.885	
187	TT nội trú: Ký túc xá số 4	04207.00.120000.027	Tủ đựng tài liệu sắt	01/01/2002	5	9.595.986	9.595.986	
188	TT nội trú: Ký túc xá số 4	04207.00.120000.028	Giường tầng GT40B	06/09/2014	10	24.150.000	24.150.000	
189	TT nội trú: Ký túc xá số 4	04207.00.120000.029	Giường tầng sắt	01/01/2006	49	56.350.000	56.350.000	
190	TT nội trú: Ký túc xá số 4	04207.00.120000.030	Giường hộp gỗ Xoan (501-1;4111-3)	01/01/2006	4	1.320.000	1.320.000	
191	TT nội trú: Phòng trực - Nhà C cơ sở 2	04209.00.120000.001	Tủ sắt Hòa Phát 6 cánh	01/01/2006	1	2.200.000	2.200.000	
192	TT nội trú: Phòng trực - Nhà C cơ sở 2	04209.00.120000.002	Giường hộp gỗ xoan	01/01/2002	1	330.000	330.000	
193	TT nội trú: Phòng trực - Nhà C cơ sở 2	04209.00.120000.003	Bàn ghế sa lon gỗ xoan	01/01/2006	1	1.545.000	1.545.000	
194	TT nội trú: Phòng trực - Nhà C cơ sở 2	04209.00.120000.007	Ghế tựa đệm Hòa Phát	01/01/2010	1	420.000	420.000	
195	TT nội trú: Phòng trực - Nhà C cơ sở 2	04209.00.120000.009	Bàn giáo viên phòng học	01/01/2004	2	1.280.000	1.280.000	
196	TT nội trú	04201.00.030000.102	Máy tính để bàn Dell Optilex 3110	31/12/2012	1	15.538.000	15.538.000	
197	TT nội trú	04201.00.030101.001	Máy tính để bàn Dell Optilex 260 AVD-260MTN	31/12/2012	1	15.821.300	15.821.300	
198	TT nội trú	04201.02.030000.016	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450	01/01/2012	1	14.064.223	14.064.223	
199	TT nội trú	04201.00.110000.005	Tủ lạnh SANIO SR-75W	01/01/2002	5	13.250.000	13.250.000	
200	TT nội trú	04201.00.110000.011	Ti vi Sam Sung CS-15K5ML- 17 in.	01/01/2004	6	12.000.000	12.000.000	
201	TT nội trú	04201.00.110000.013	Tủ lạnh SANIO	01/01/2004	2	5.100.000	5.100.000	
202	TT nội trú	04201.00.110000.023	Ti vi Sam Sung 21" IN K40	01/01/2008	19	40.755.000	40.755.000	
203	Phòng TN: Chương trình mục tiêu quốc gia 2014	00208.03.030000.166	Máy tính xách tay Dell Latitude 3440	13/06/2013	1	18.260.000	18.260.000	
204	Phòng TN: Chương trình mục tiêu quốc gia 2014	00208.03.110000.042	Máy in Laser HP P2035	13/06/2013	1	6.809.000	6.809.000	
205	Phòng TN: Chương trình mục tiêu quốc gia 2014	00208.03.120000.009	Cabin dành cho học viên Long Phát BLV01	19/11/2015	1	5.423.000	5.423.000	
206	Phòng TN: Chương trình mục tiêu quốc gia 2014	00208.03.120000.010	Cabin dành cho học viên Long Phát BLV01	19/11/2015	1	5.423.000	5.423.000	
207	Phòng TN: Chương trình mục tiêu quốc gia 2014	00208.03.120000.011	Cabin dành cho học viên Long Phát BLV01	19/11/2015	1	5.423.000	5.423.000	
208	Phòng TN: Chương trình mục tiêu quốc gia 2014	00208.03.120000.012	Cabin dành cho học viên Long Phát BLV01	19/11/2015	1	5.423.000	5.423.000	
209	Phòng TN: Chương trình mục tiêu quốc gia 2014	00208.03.120000.013	Cabin dành cho học viên Long Phát BLV01	19/11/2015	1	5.423.000	5.423.000	
210	Phòng TN: Chương trình mục tiêu quốc gia 2014	00208.03.120000.014	Cabin dành cho học viên Long Phát BLV01	19/11/2015	1	5.423.000	5.423.000	
211	Phòng TN: Chương trình mục tiêu quốc gia 2014	00208.03.120000.015	Cabin dành cho học viên Long Phát BLV01	19/11/2015	1	5.423.000	5.423.000	
212	Phòng TN: Chương trình mục tiêu quốc gia 2014	00208.03.120000.016	Cabin dành cho học viên Long Phát BLV01	19/11/2015	1	5.423.000	5.423.000	
213	Phòng TN: Chương trình mục tiêu quốc gia 2014	00208.03.120000.017	Cabin dành cho học viên Long Phát BLV01	19/11/2015	1	5.423.000	5.423.000	

STT	Đơn vị	Mã IS	Tên tài sản	Ngày tăng	SL	Nguyên giá	Hao mòn	Giá
214	Phòng TN: Chương trình mục tiêu quốc gia 2014	00208.03.120000.018	Cabin dành cho học viên Long Phát BLV01	19/11/2015	1	5.423.000	5.423.000	
215	Giảng đường G - Trường Chuyên	05801.00.120000.001	Bàn liền ghế học sinh 2 chỗ ngồi	01/01/2006	18	8.784.000	8.784.000	
216	Giảng đường G - Trường Chuyên	05801.00.120000.002	Bàn giáo viên	01/01/2005	3	1.950.000	1.950.000	
217	Giảng đường G - Trường Chuyên	05801.00.120000.003	Ghế giáo viên	01/01/2005	3	390.000	390.000	
218	Giảng đường G - Trường Chuyên	05801.00.120000.004	Bảng từ 4 m	01/01/2005	28	78.204.000	78.204.000	
219	Nhà học đa năng - Khối chuyên	05802.00.120000.006	Bảng từ 4m	01/01/2006	16	44.688.000	44.688.000	
220	Nhà học D1	05803.00.120000.003	Bàn liền ghế học sinh 2 chỗ ngồi	01/01/2006	13	6.344.000	6.344.000	
221	Nhà học D1	05803.00.120000.004	Bàn giáo viên	01/01/2006	6	3.900.000	3.900.000	
222	Nhà học D1	05803.00.120000.005	Ghế giáo viên	01/01/2006	6	780.000	780.000	
223	Nhà học D1	05803.00.120000.006	Bảng từ 4m	01/01/2005	11	30.723.000	30.723.000	
224	Giảng đường D3	05901.10.120000.001	Giá sắt Hòa Phát GS2-K1	18/11/2015	24	51.600.000	51.600.000	
225	Giảng đường D3	05901.10.120000.002	Bảng viết Hòa Phát chống lóa 3.2 x 1.2	18/11/2015	15	37.500.000	37.500.000	
226	Giảng đường D3	05901.10.120000.003	Bảng viết Hòa Phát chống lóa 3.6 x 1.25	18/11/2015	3	8.400.000	8.400.000	
227	Giảng đường D3	05901.10.120000.004	Tủ sắt TU09K3G 2 tầng	18/11/2015	20	59.000.000	59.000.000	
228	Giảng đường D3	05901.10.120000.005	Bàn làm việc Hòa Phát ET 1400	18/11/2015	5	14.000.000	14.000.000	
229	Giảng đường D3	05901.10.120000.006	Ghế làm việc nhân viên Hòa Phát SL719MH (khung sắt bọc ni)	18/11/2015	5	5.100.000	5.100.000	
230	Giảng đường A3	05702.00.120000.004	Bảng từ 4 m	01/01/2005	11	30.723.000	30.723.000	
231	Giảng đường B3	05503.00.120000.004	Bảng chống lóa 4m	01/01/2006	23	64.239.000	64.239.000	
232	Giảng đường B2	05502.00.120000.002	Bàn học sinh lim 1,2m	01/01/2002	249	62.250.000	62.250.000	
233	Giảng đường B2	05502.00.120000.003	Ghế học sinh lim 1,2m	01/01/2002	248	25.296.000	25.296.000	
234	Giảng đường B2	05502.00.120000.006	Bảng từ 4 m	01/01/2005	24	67.032.000	67.032.000	
235	Giảng đường B1	05501.00.120000.001	Bàn ghế học sinh 2 chỗ	01/01/2006	86	41.968.000	41.968.000	
236	Giảng đường B1	05501.00.120000.004	Bảng chống lóa 4m	01/01/2006	11	32.703.000	32.703.000	
237	Phòng nghỉ giáo viên nhà Đa Năng	05608.00.120000.003	Ghế tựa đệm Xuân Hòa	01/01/2005	10	1.130.000	1.130.000	
238	Phòng nghỉ giáo viên nhà Đa Năng	05608.00.120000.004	Tủ lim 1.8 m	01/01/1999	1	900.000	900.000	
239	Phòng nghỉ giáo viên D3	05607.00.120000.007	Ghế xếp Hòa Phát	01/01/2006	10	1.540.000	1.540.000	
240	Phòng nghỉ giáo viên B3	05606.00.120000.004	Tủ kính phòng nghỉ giáo viên	01/01/2002	1	2.675.000	2.675.000	
241	Phòng nghỉ giáo viên B3	05606.00.120000.006	Ghế tựa đệm da	01/01/2010	8	9.320.000	9.320.000	
242	Phòng nghỉ giáo viên B3	05606.00.120000.007	Ghế giáo viên	01/01/2006	1	130.000	130.000	
243	Phòng nghỉ giáo viên B3	05606.00.120000.009	Bàn học sinh lim 1.2m	01/01/2000	1	250.000	250.000	
244	Phòng nghỉ giáo viên B2	05605.00.120000.006	Tủ sắt 12 ngăn	01/01/2006	1	1.650.000	1.650.000	
245	Phòng nghỉ giáo viên A3	05603.00.120000.003	Ghế giáo viên phòng học	01/01/2006	2	260.000	260.000	
246	Phòng nghỉ giáo viên A3	05603.00.120000.005	Ghế tựa đệm da	01/01/2010	5	5.825.000	5.825.000	
247	Giảng đường A2	05701.00.120000.001	Bộ bàn ghế học sinh 2 chỗ ngồi	01/01/2006	27	13.176.000	13.176.000	
248	Giảng đường A2	05701.00.120000.004	Bảng từ 4m	01/01/2004	15	41.895.000	41.895.000	
249	Phòng nghỉ giáo viên A2	05602.00.120000.004	Ghế tựa giáo viên phòng học	01/01/2006	4	520.000	520.000	
250	Phòng nghỉ giáo viên A2	05602.00.120000.005	Tủ lim 1.8m	01/01/1994	1	900.000	900.000	
251	Phòng nghỉ giáo viên A2	05602.00.120000.006	Tủ sắt Hòa Phát 2 cánh	01/01/2006	1	1.375.000	1.375.000	
252	Phòng nghỉ giáo viên A2	05602.00.120000.007	Bàn học sinh lim 1.2 m	01/01/2002	1	250.000	250.000	
253	Phòng nghỉ giáo viên A2	05602.00.120000.010	Tủ sắt 12 ngăn	01/01/2006	1	1.650.000	1.650.000	
254	Phòng nghỉ giáo viên nhà G	05609.00.120000.002	Ghế xếp Hòa Phát	01/01/2006	15	2.310.000	2.310.000	
255	Phòng Quản trị	02901.04.030000.016	Âm ly loại I	26/07/2013	1	22.176.000	22.176.000	
256	Phòng Quản trị	02901.04.030000.019	Âm ly loại II	26/07/2013	1	24.255.000	24.255.000	
257	Phòng Quản trị	02901.06.030000.036	Máy chiếu Epson W18	31/12/2015	1	26.500.000	26.500.000	
258	Phòng Quản trị	02901.06.030000.037	Máy chiếu Epson W18	31/12/2015	1	26.500.000	26.500.000	
259	Phòng Quản trị	02901.06.030000.038	Máy chiếu Sony VPL CX 326	31/12/2015	1	42.900.000	42.900.000	
260	Phòng Quản trị	02901.06.030000.039	Máy chiếu Sony VPL CX 326	31/12/2015	1	42.900.000	42.900.000	
261	Phòng Quản trị	02901.06.030000.040	Máy chiếu Sony VPL CX 326	31/12/2015	1	42.900.000	42.900.000	
262	Phòng Quản trị	02901.00.110000.091	Camera ổ định TOPICA TP 2006AX	01/01/2009	4	16.720.000	16.720.000	
263	Phòng Quản trị	02901.00.110000.161	Máy in HP P2035	19/11/2015	1	7.234.720	7.234.720	
264	Phòng Quản trị	02901.00.110000.177	Bộ Micro không dây 5220-5810	19/11/2015	1	9.400.000	9.400.000	
265	Phòng Quản trị	02901.04.110000.007	Chân Micro đứng	26/07/2013	1	495.000	495.000	
266	Phòng Quản trị	02901.04.110000.009	Kệ để loa	26/07/2013	3	1.320.000	1.320.000	
267	Phòng Quản trị	02901.00.120000.005	Đầu son OD1200A (1,0m - kèm)	01/01/2010	1	2.340.000	2.340.000	

STT	Đơn vị	Mã TS	Tên tài sản	Ngày tăng	SL	Nguyên giá	Hao mòn	Giá
268	Phòng Quản trị	02901.00.120000.008	tủ sắt Hòa Phát cửa kính	01/01/2006	1	1.595.000	1.595.000	
269	Phòng Quản trị	02901.00.120000.012	Ghế xoay da (phó TP/TK/GĐ)	01/01/2003	1	3.960.000	3.960.000	
270	Phòng Quản trị	02901.00.120000.031	Bàn vi tính DL	26/04/2012	1	3.564.000	3.564.000	
271	Phòng Quản trị	02901.00.120000.120	Ghế xoay da (TP/TK/GĐ)	14/12/2015	1	3.960.000	3.960.000	
272	Phòng Quản trị	02901.00.120000.122	Tủ sơn 1,84 m	14/12/2015	1	7.120.000	7.120.000	
273	Phòng Quản trị	02901.00.120000.123	Bàn sơn 1.8 m	14/12/2015	1	4.472.000	4.472.000	
274	Phòng Quản trị	02901.01.120000.001	Bàn DT1890H35	20/07/2016	1	4.200.000	4.200.000	
275	Khoa CNTT - VP	00201.00.030203.003	Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Nguyễn Ngọc Hiếu	30/09/2013	1	16.896.000	16.896.000	
276	Khoa CNTT - VP	00201.00.030203.007	Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Hữu Việt	11/09/2013	1	16.896.000	16.896.000	
277	Khoa CNTT - VP	00201.00.120000.004	Bàn sơn ET 1400C (1,4m)	01/01/2010	3	8.550.000	8.550.000	
278	Nhà học A5 - Nông Lâm Ngư	06201.00.030000.012	Máy chiếu đa năng OPTOMA EP 763	30/12/2014	1	32.050.000	32.050.000	
279	Nhà học A5 - Nông Lâm Ngư	06201.00.030000.015	Màn hình LCD 52" Samsung LA52B550	30/12/2014	1	65.250.000	65.250.000	
280	Nhà học A5 - Nông Lâm Ngư	06201.02.030000.001	Máy chấm công bằng vân tay	30/12/2014	1	25.139.588	25.139.588	
281	Nhà học A5 - Nông Lâm Ngư	06201.02.030000.002	Máy chấm công bằng vân tay	30/12/2014	1	25.139.585	25.139.585	
282	Nhà học A5 - Nông Lâm Ngư	06201.02.030000.003	Máy chấm công bằng vân tay	30/12/2014	1	25.139.585	25.139.585	
283	Nhà học A5 - Nông Lâm Ngư	06201.07.030000.002	Máy chiếu đa năng Infocus IN126	30/12/2014	1	33.385.000	33.385.000	
284	Nhà học A5 - Nông Lâm Ngư	06201.07.030000.003	Máy chiếu đa năng Infocus IN126	30/12/2014	1	33.385.000	33.385.000	
285	Nhà học A5 - Nông Lâm Ngư	06201.00.110000.004	Bộ nguồn cấp điện - máy chấm công (501;502;503)	01/01/2010	3	6.440.800	6.440.800	
286	Nhà học A5 - Nông Lâm Ngư	06201.00.120000.004	Bàn giáo viên	01/01/2006	1	650.000	650.000	
287	Nhà học A5 - Nông Lâm Ngư	06201.00.120000.005	Ghế giáo viên	01/01/2006	1	130.000	130.000	
288	Nhà học A5 - Nông Lâm Ngư	06201.00.120000.006	Bảng từ 4m	01/01/2006	6	16.758.000	16.758.000	
289	Khoa Thể Dục - VP	01801.02.030000.002	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - ái Khuê	01/01/2012	1	14.064.223	14.064.223	
290	Khoa Thể Dục - VP	01801.00.120000.019	Tủ đựng tài liệu sắt 4 cánh	01/01/2002	1	1.919.197	1.919.197	
291	Khoa Giáo dục thể chất - CS 2	01803.00.110000.002	Điều hòa LG 12000 BTU	5/01/2012	1	7.100.000	7.100.000	
292	Khoa Giáo dục thể chất - CS 2	01803.00.110000.003	Điều hòa LG 12000 BTU	5/01/2012	1	7.100.000	7.100.000	
293	Khoa Giáo dục thể chất - CS 2	01803.00.110000.004	Điều hòa LG 12000 BTU	5/01/2012	1	7.100.000	7.100.000	
294	TT GDQP An ninh Vinh	00403.01.030107.003	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669 MT -	13/03/2017	1	18.500.000	15.400.000	
295	Giáo dục Quốc phòng	00401.00.110000.037	Xe gom rác XG97	19/11/2015	1	5.600.000	5.600.000	
296	Giáo dục Quốc phòng	00401.00.110000.038	Xe gom rác XG97	19/11/2015	1	5.600.000	5.600.000	
297	Giáo dục Quốc phòng	00401.00.110000.039	Xe gom rác XG97	19/11/2015	1	5.600.000	5.600.000	
298	Giáo dục Quốc phòng	00401.00.110000.013	Máy in canon 3300	01/01/2011	1	4.600.000	4.600.000	
299	Giáo dục Quốc phòng	00401.01.110000.002	Thang inox gấp-2016	30/12/2016	1	2.500.000	2.500.000	
300	Giáo dục Quốc phòng	00401.01.110000.001	Khoan bắt vít - 2016	30/12/2016	1	1.300.000	1.300.000	
301	Giáo dục Quốc phòng	00401.01.110000.004	Quạt cây Mitsubishi lv16	12/10/2016	2	4.780.000	4.780.000	
302	Giáo dục Quốc phòng	00401.00.120000.021	Thùng đựng rác loại vừa RV50	08/11/2013	8	10.000.000	10.000.000	
303	Giáo dục Quốc phòng	00401.00.120000.022	Thùng đựng rác loại to TV240	08/11/2013	8	27.600.000	27.600.000	
304	Giáo dục Quốc phòng	00401.00.120000.028	Ghế xếp Hòa Phát	09/11/2013	72	32.400.000	32.400.000	
305	Giáo dục Quốc phòng	00401.00.120000.030	Tủ đựng tài liệu 4 ngăn CAT09KD Hòa Phát	09/11/2013	1	3.700.000	3.700.000	
306	Giáo dục Quốc phòng	00401.00.120000.031	Bàn sơn Hòa Phát DT1890 H35	09/11/2013	2	9.800.000	9.800.000	
307	Giáo dục Quốc phòng	00401.00.120000.032	Bàn làm việc Hòa Phát	09/11/2013	1	3.300.000	3.300.000	
308	Giáo dục Quốc phòng	00401.00.120000.045	Bàn bóng bàn	19/11/2015	1	9.550.000	9.550.000	
309	Giáo dục quốc phòng - Giảng đường	00402.00.120000.004	Bảng từ 4m	30/11/2015	5	13.965.000	13.965.000	
310	Khoa NLN - VP	01401.02.030000.008	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Kim Đường	01/01/2012	1	14.064.223	14.064.223	
311	Khoa NLN - VP	01401.00.110000.015	Máy in Laser HP P2035	19/11/2015	1	7.200.000	7.200.000	
312	Khoa NLN - VP	01401.06.110000.002	Micro để bàn JTS5030	07/12/2015	1	3.500.000	3.500.000	
313	Khoa NLN - VP	01401.00.120000.019	Bục tuyên truyền và bục tượng Dấu	01/01/2008	1	1.472.500	1.472.500	
314	Khoa NLN - VP	01401.00.120000.023	Bảng khung nhôm 4 m	01/01/2011	1	3.050.000	3.050.000	
315	Khoa NLN - VP	01401.00.120000.024	Tủ sơn 1,84 m	19/11/2015	1	7.120.000	7.120.000	
316	Khoa NLN - VP	01401.00.120000.025	Tủ sơn 1,35 m	19/11/2015	1	5.260.000	5.260.000	
317	Khoa NLN - VP	01401.00.120000.026	Bàn hội trường Hòa Phát	31/12/2014	14	32.200.000	32.200.000	
318	Khoa NLN - VP	01401.00.120000.028	Bục phát biểu	31/12/2014	1	2.500.000	2.500.000	
319	Khoa NLN - VP	01401.03.120000.001	Bàn học viên Long Phát	04/12/2015	10	23.000.000	23.000.000	
320	Khoa NLN - TH	01402.00.030000.156	Bơm chân không - Model: MZ2C+AK+EK	01/01/2006	1	54.408.058	54.408.058	
321	Khoa NLN - TH	01402.00.030000.130	Máy phát điện, model: 15 EMS, CS 13KW	31/12/2013	1	112.536.375	107.521.828	

STT	Đơn vị	Ma IS	Tên tài sản	Ngày tăng	SL	Nguyên giá	Hao mòn	Giá
322	Khoa NLN - TH	01402.00.110000.071	Bàn giáo viên	01/01/2006	1	2.672.108	2.672.108	
323	Khoa NLN - TH	01402.00.110000.073	Ghế giáo viên	01/01/2006	1	274.062	274.062	
324	Khoa NLN - TH	01402.00.110000.195	Ti vi Sam sung 21"	01/01/2010	1	2.000.000	2.000.000	
325	Khoa NLN - TH	01402.00.110000.197	Quạt cây Davi	01/01/2010	1	320.000	320.000	
326	Khoa NLN - TH	01402.00.110000.225	Máy nghiền mẫu đất - Model: Bamix mono	19/11/2015	1	9.124.500	9.124.500	
327	Phòng TN: Kho thiết bị: NL 101	01414.00.120000.001	Bàn giáo viên phòng thí nghiệm	01/01/2006	6	5.214.000	5.214.000	
328	Phòng TN: Công nghệ sau thu hoạch 205	01416.00.120000.002	Bàn thí nghiệm hóa sinh 2	01/01/2006	1	4.015.000	4.015.000	
329	Phòng TN: NLN 103	01419.00.120000.001	Bàn thí nghiệm hóa sinh 1	01/01/2006	2	6.050.000	6.050.000	
330	Phòng TN: NLN 103	01419.00.120000.013	Bảng xấp	01/01/2006	1	577.500	577.500	
331	Phòng 401 - Ngọc Bé	01426.00.120000.002	Bàn giáo viên phòng thí nghiệm	01/01/2006	1	869.000	869.000	
332	Phòng 406 - Ngọc Bé	01427.00.120000.001	Ghế giáo viên	01/01/2005	2	260.000	260.000	
333	Phòng TN: Kỹ thuật nuôi ngọt - Bình	01428.00.120000.004	Ghế thí nghiệm sinh viên	01/01/2006	4	616.000	616.000	
334	Trường Chuyên: Phòng Thực hành TA, Tin học	00542.01.030104.099	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3046 MT	26/04/2012	1	16.600.000	9.960.000	
335	Trường Chuyên: Phòng Thực hành TA, Tin học	00542.01.030104.100	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3046 MT	26/04/2012	1	16.600.000	9.960.000	
336	Trường Chuyên: Phòng Thực hành TA, Tin học	00542.01.030104.101	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3046 MT	26/04/2012	1	16.600.000	9.960.000	
337	Khoa Đào tạo SDH	00601.00.030000.017	Máy tính xách tay Sony Vaio - Thủy Nhâm	01/01/2012	1	28.589.000	28.589.000	
338	Khoa Đào tạo SDH	00601.00.030000.021	Máy tính để bàn All in One ASUS	26/03/2013	1	21.225.000	21.225.000	
339	Khoa Đào tạo SDH	00601.01.030104.001	Máy tính để bàn Dell Optilex 3020 MT - Tiến Cường - phục vụ TS	17/08/2015	1	18.500.000	18.500.000	
340	Khoa Đào tạo SDH	00601.01.030107.022	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669 MT - Đình Nhâm	17/08/2015	1	18.500.000	18.500.000	
341	Khoa Luật	01201.01.030209.001	Máy tính xách tay HP Probook 430 G4 - 2018 - Hoài Bảo - Khoa L	17/08/2015	1	21.150.000	21.150.000	
342	Khoa Vật Lý - VP	01301.02.030000.004	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Mai Văn Lưu	01/01/2012	1	14.064.223	14.064.223	
343	Khoa Văn - VP	02001.10.030000.001	Máy tính để bàn cho học viên Lenovo E72	10/12/2015	1	24.741.200	24.741.200	
344	Khoa Xây dựng - VP	02101.00.030000.028	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Trung Hòa	01/01/2012	1	15.360.000	15.360.000	
345	Phòng Đào tạo	02401.04.030204.001	Máy tính xách tay VAIO SVD 11215CVB - Thủy Bình	15/12/2013	1	34.534.500	34.534.500	
346	Phòng Bảo vệ	02501.01.030000.001	Tivi treo tường Samsung UA48H5100 48 inch	5/01/2012	1	16.500.000	16.500.000	
347	Phòng Bảo vệ	02501.02.030000.008	Màn hình ti vi Sony 32 inch	01/01/2012	1	11.176.000	11.176.000	
348	Phòng Bảo vệ	02501.02.030000.010	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450	01/01/2012	1	14.064.223	14.064.223	
349	Phòng Tổ chức Cán bộ	03001.02.030000.003	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450	01/01/2012	1	14.064.223	14.064.223	
350	Trường Mầm non TH	03301.00.030000.096	Bảng thông minh tương tác DS-9089HD	01/01/2010	1	41.556.000	41.556.000	
351	Trường Mầm non TH	03301.00.030000.166	Tivi Samsung 40H 5552	16/05/2015	1	16.500.000	16.500.000	
352	Trường Mầm non TH	03301.01.030501.005	Điều hòa LG 12 BTU - 2016 T1-P.máy	12/09/2016	1	12.000.000	6.000.000	
353	Trung tâm THPT	03701.02.030000.018	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Lâm Vượng	5/01/2012	1	14.064.223	14.064.223	
354	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.030000.187	Tủ mạng chuyên dụng Rittal	01/01/2012	11	45.629.265	45.629.265	
355	TT CNTT - VP tầng 6	04804.01.030106.001	Máy tính Dell Optilex 3040 - 2017	5/01/2012	1	18.150.000	10.890.000	
356	Nhà Xuất Bản	05301.02.030000.002	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450	01/01/2012	1	14.064.223	14.064.223	
357	Văn phòng - Trường tiểu học thực hành	06001.00.030000.009	Cây nước nóng lạnh Kangaroo KG48	03/09/2015	1	17.500.000	17.500.000	
358	Văn phòng - Trường tiểu học thực hành	06001.00.030000.010	Cây nước nóng lạnh Kangaroo KG48	03/09/2015	1	17.500.000	17.500.000	
359	Văn phòng - Trường tiểu học thực hành	06001.00.030000.011	Cây nước nóng lạnh Kangaroo KG48	03/09/2015	1	17.500.000	17.500.000	
360	Văn phòng - Trường tiểu học thực hành	06001.00.030000.012	Cây nước nóng lạnh Kangaroo KG48	03/09/2015	1	17.500.000	17.500.000	
361	Văn phòng - Trường tiểu học thực hành	06001.00.030000.013	Cây nước nóng lạnh Kangaroo KG48	03/09/2015	1	17.500.000	17.500.000	
362	Văn phòng - Trường tiểu học thực hành	06001.06.030000.030	Bộ micro cầm tay không dây UHF WS-5225	28/12/2015	1	12.980.000	12.980.000	
363	Văn phòng - Trường tiểu học thực hành	06001.00.040000.007	Thang leo dây chữ A	03/09/2015	1	15.000.000	15.000.000	
364	Văn phòng - Trường tiểu học thực hành	06001.00.040000.008	Hầm chui vận động: Dài 4m. Hình con sấu	03/09/2015	1	15.000.000	15.000.000	
365	Văn phòng - Trường tiểu học thực hành	06001.00.040000.009	Hầm chui vận động: Dài 4m. Hình con sấu	03/09/2015	1	15.000.000	15.000.000	
366	Phòng thực hành tin học - A0404	00203.00.110000.012	Âm ly TOA A 2120	19/11/2015	1	5.811.300	5.811.300	
367	Phòng CTCT & HSSV	02601.04.110000.004	Máy chủ toạ TOA TS-771	19/11/2015	1	7.550.000	7.550.000	
368	Phòng CTCT & HSSV	02601.04.110000.005	Máy đại biểu TOA TS-772	19/11/2015	1	6.864.000	6.864.000	
369	Phòng CTCT & HSSV	02601.04.110000.006	Máy đại biểu TOA TS-772	19/11/2015	1	6.864.000	6.864.000	
370	Phòng CTCT & HSSV	02601.04.110000.007	Máy đại biểu TOA TS-772	19/11/2015	1	6.864.000	6.864.000	
371	Phòng CTCT & HSSV	02601.04.110000.008	Máy đại biểu TOA TS-772	19/11/2015	1	6.864.000	6.864.000	
372	Phòng CTCT & HSSV	02601.04.110000.009	Máy đại biểu TOA TS-772	19/11/2015	1	6.864.000	6.864.000	
373	Phòng CTCT & HSSV	02601.04.110000.010	Máy đại biểu TOA TS-772	19/11/2015	1	6.864.000	6.864.000	
374	Phòng CTCT & HSSV	02601.04.110000.011	Máy đại biểu TOA TS-772	19/11/2015	1	6.864.000	6.864.000	
375	Phòng CTCT & HSSV	02601.04.110000.012	Máy đại biểu TOA TS-772	19/11/2015	1	6.864.000	6.864.000	

STT	Đơn vị	Mã TS	Tên tài sản	Ngày tăng	SL	Nguyên giá	Hao mòn	Giá
376	Phòng CTCT & HSSV	02601.04.110000.013	Máy đại biểu TOA TS-772	19/11/2015	1	6.864.000	6.864.000	
377	Phòng CTCT & HSSV	02601.04.110000.014	Máy đại biểu TOA TS-772	19/11/2015	1	6.864.000	6.864.000	
378	Trạm Y tế	03201.00.110000.023	Ti vi Toshiba 32"	19/11/2015	1	8.990.000	8.990.000	
379	Trạm Y tế	03201.02.110000.001	Máy in Laserjet HP P2055d	19/11/2015	1	9.593.730	9.593.730	
380	Trường Mầm non TH	03301.00.110000.083	Tivi 32" Samsung LA32C350 + Giá	19/11/2015	1	8.250.000	8.250.000	
381	Trung tâm GDTX	03501.00.110000.007	Máy in Laze HP 1200	19/11/2015	1	6.985.000	6.985.000	
382	Trung tâm GDTX	03501.00.110000.009	Máy in cannon 3300	19/11/2015	1	5.800.000	5.800.000	
383	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.00.110000.008	Tủ rack 6U	25/12/2013	2	2.400.000	2.400.000	
384	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.001	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	19/11/2015	1	7.651.000	7.651.000	
385	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.002	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	19/11/2015	1	7.651.000	7.651.000	
386	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.003	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	19/11/2015	1	7.651.000	7.651.000	
387	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.004	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	19/11/2015	1	7.651.000	7.651.000	
388	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.005	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	19/11/2015	1	7.651.000	7.651.000	
389	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.006	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	19/11/2015	1	7.651.000	7.651.000	
390	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.007	Bộ phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.778	6.984.778	
391	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.008	Bộ phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.778	6.984.778	
392	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.009	Bộ phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.778	6.984.778	
393	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.010	Bộ phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.778	6.984.778	
394	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.011	Bộ phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.778	6.984.778	
395	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.012	Bộ phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.778	6.984.778	
396	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.013	Bộ phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.778	6.984.778	
397	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.014	Bộ phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.778	6.984.778	
398	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.015	Bộ phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.778	6.984.778	
399	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.035	Điểm phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.789	6.984.789	
400	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.036	Điểm phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.789	6.984.789	
401	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.037	Điểm phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.789	6.984.789	
402	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.038	Điểm phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.789	6.984.789	
403	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.039	Điểm phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.789	6.984.789	
404	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.040	Điểm phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.789	6.984.789	
405	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.041	Điểm phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.789	6.984.789	
406	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.042	Điểm phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.789	6.984.789	
407	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.043	Điểm phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.789	6.984.789	
408	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.044	Điểm phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.789	6.984.789	
409	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.045	Điểm phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.789	6.984.789	
410	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.046	Điểm phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.789	6.984.789	
411	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.047	Điểm phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.789	6.984.789	
412	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.048	Điểm phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.789	6.984.789	
413	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.049	Điểm phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.789	6.984.789	
414	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.050	Điểm phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.789	6.984.789	
415	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.110000.051	Điểm phát sóng trong nhà	19/11/2015	1	6.984.789	6.984.789	
416	Khoa Ngoại Ngữ - VP	01501.00.120000.003	Ghế xoay da (TP/TK/GĐ)	01/01/2010	1	4.170.000	4.170.000	
417	Khoa Ngoại Ngữ - VP	01501.00.120000.009	Tủ sắt 2 tầng cửa kính	01/01/2002	1	1.605.010	1.605.010	
418	Khoa Xây dựng - VP	02101.00.120000.010	Ghế da	01/01/2010	8	9.320.000	9.320.000	
419	Phòng Bảo vệ	02501.00.120000.004	Tủ 1,8 m lim	01/01/1994	1	865.753	865.753	
420	Phòng Bảo vệ	02501.00.120000.011	Bảng khung nhôm	01/01/2007	1	1.050.000	1.050.000	
421	Phòng Bảo vệ	02501.00.120000.016	Bàn sơn DT 1890 H35 (1,8m)	13/06/2013	2	8.944.000	8.944.000	
422	Trường Mầm non TH	03301.00.120000.008	Tủ chân gỗ	01/01/2010	10	11.432.000	11.432.000	
423	Trường Mầm non TH	03301.00.120000.021	Giá sách con vật	01/01/2010	10	2.650.000	2.650.000	
424	Trường Mầm non TH	03301.00.120000.024	Giá góc xây dựng BL 201	01/01/2010	30	33.150.000	33.150.000	
425	Trường Mầm non TH	03301.00.120000.053	Bình ủ nước	14/07/2013	14	38.500.000	38.500.000	
426	Trường Mầm non TH	03301.00.120000.054	Tủ đựng chiếu màn	14/07/2013	14	61.600.000	61.600.000	
427	Trường Mầm non TH	03301.00.120000.059	Bàn học cho trẻ	14/07/2013	115	69.575.000	69.575.000	
428	Trường Mầm non TH	03301.00.120000.110	Bóng cho nhà bóng	29/05/2015	1	7.000	7.000	
429	Trung tâm GDTX	03501.00.120000.008	Ghế xoay da (TP/TK/GĐ cũ)	01/01/2010	3	11.880.000	11.880.000	

STT	Đơn vị	Mã TS	Tên tài sản	Ngày tăng	SL	Nguyên giá	Hao mòn	Giá
430	Trung tâm THPT	03701.00.120000.017	Ghế xoay G1	01/01/2002	1	280.000	280.000	
431	KHOA Vật Lý: Chuẩn bị - 418	03703.00.120000.004	Ghế băng hội trường	01/01/1999	1	20.000	20.000	
432	Khoa Vật Lý: Cơ Nhiệt - 317	03708.00.120000.010	Bảng từ 2.4 m	01/01/2006	1	1.764.000	1.764.000	
433	Khoa Vật lý: Phương pháp giảng dạy Vật lý - 212	03770.00.120000.003	Bảng từ 2.4m	01/01/2006	1	1.764.000	1.764.000	
434	Khoa Vật lý: 115 -116	03772.00.120000.011	Bảng từ 1m	01/01/2005	1	1.125.000	1.125.000	
435	TT ĐB chất lượng	03901.00.120000.002	Tủ tài liệu sắt 2 cánh	01/01/2006	1	1.375.000	1.375.000	
436	TT ĐB chất lượng	03901.00.120000.009	Bàn họp CT2010H6 (2m)	01/01/2010	2	7.540.000	7.540.000	
437	TT ĐB chất lượng	03901.00.120000.014	Ghế tựa đệm Hòa Phát	01/01/2006	11	1.429.180	1.429.180	
438	TT ĐB chất lượng	03901.00.120000.016	Giá đựng sách, thiết bị	01/01/2002	7	7.777.000	7.777.000	
439	TT ĐB chất lượng	03901.00.120000.022	Giá sách	19/12/2013	19	41.990.190	41.990.190	
440	TT ĐB chất lượng	03901.00.120000.076	Tủ sơn 18.4m	19/11/2015	3	21.360.000	21.360.000	
441	TT ĐB chất lượng	03901.00.120000.078	Giá để sách, thiết bị	14/12/2015	3	3.333.000	3.333.000	
442	TT ĐB chất lượng	03901.00.120000.079	Giá để sách, thiết bị	14/12/2015	2	2.222.000	2.222.000	
443	TT ĐB chất lượng	03901.00.120000.080	Giá để sách, thiết bị	14/12/2015	5	5.555.000	5.555.000	
444	TT ĐB chất lượng	03901.00.120000.081	Giá sách	14/12/2015	10	22.100.100	22.100.100	
445	Phòng truyền thống	05101.00.120000.010	Ghế khung sắt đệm ni hoả phát	01/01/2005	7	3.360.000	3.360.000	
446	Phòng truyền thống	05101.00.120000.013	Kệ tivi	01/01/2002	1	1.629.120	1.629.120	
447	Phòng truyền thống	05101.00.120000.014	Bục tuyết trình và bục trưng Bức	01/01/2008	1	1.472.500	1.472.500	
448	Phòng truyền thống	05101.00.120000.017	Ghế tựa đệm ni	01/01/2002	4	1.920.000	1.920.000	
449	Phòng truyền thống	05101.00.120000.022	Bàn làm việc 1.2 m	01/01/2002	1	590.000	590.000	
450	Trường Tiểu học - Giảng đường	06007.01.120000.002	Bảng chống loa 1.2 x 3.6m	5/01/2012	4	17.800.000	17.800.000	
451	THSP - THCS - Phòng tin học	07803.01.120000.001	Bàn để máy tính học sinh khung sắt 1400x70x450mm 2017	5/01/2012	46	83.260.000	83.260.000	
452	Khoa Hoá - VP	01001.00.110000.004	Máy in Laze HP 1160	19/11/2015	1	6.336.750	6.336.750	
453	Khoa Hoá - VP	01001.02.030000.007	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Cô Hòa	01/01/2012	1	14.064.223	14.064.223	
454	Khoa Hoá - VP	01001.02.030000.009	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Thầy Hoa Du	01/01/2012	1	14.064.223	14.064.223	
455	Khoa Hoá - VP	01001.02.030000.010	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Cô Hồng Tuyết	01/01/2012	1	14.064.223	14.064.223	
456	Khoa Hoá - VP	01001.02.030000.011	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Thầy Khắc Nghĩa	01/01/2012	1	14.064.223	14.064.223	
457	Khoa Hoá - VP	01001.02.030000.002	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Thầy Năm	01/01/2012	1	14.064.223	14.064.223	
458	Viện Công nghệ Hóa sinh - Môi trường	06801.01.110102.001	Máy in HP Laser jet Pro M402 - Trợ lý học tập - 2017	5/01/2012	1	8.800.000	8.800.000	
459	Viện Công nghệ Hóa sinh - Môi trường	06801.01.110102.002	Máy in HP Laser jet Pro M402 - Quản lý SV - 2017	5/01/2012	1	8.800.000	8.800.000	
460	Khoa CNTT - VP	00201.10.030000.001	Máy tính để bàn cho học viên Lenovo E72	10/12/2015	1	24.741.200	24.741.200	
461	Khoa CNTT - VP	00201.07.030000.001	Máy tính học viên Lenovo think Centre E 72	24/03/2014	1	13.508.000	13.508.000	
462	Khoa ĐTVT - VP	00701.02.030000.001	Máy tính HP compaq DX 7510MT	01/01/2012	1	14.741.407	14.741.407	
463	Khoa ĐTVT - VP	00701.00.120000.012	Ghế xếp da Hòa Phát màu xanh	01/01/2010	1	420.000	420.000	
464	Khoa CNTT - VP	00201.00.110000.004	Điều hòa LG 12000 BTU	19/11/2015	1	7.100.000	7.100.000	
465	Khoa Địa lý - VP	00801.00.120000.010	tủ sắt ả đồng	01/01/2006	2	1.968.957	1.968.957	
466	Khoa Lịch Sử - VP	01701.02.030000.011	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Công Khanh	01/01/2012	1	14.064.223	14.064.223	
467	Khoa Văn - VP	02001.02.030000.008	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Đăng Lưu	01/01/2012	1	14.064.223	14.064.223	
468	Khoa Văn - VP	02001.02.030000.013	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Xuân Tiểu	01/01/2012	1	14.064.223	14.064.223	
469	Khoa Văn - VP	02001.02.030000.014	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Vũ Tuấn	01/01/2012	1	14.064.223	14.064.223	
470	Khoa Lịch Sử - VP	01701.00.030000.009	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Quốc Tuấn	01/01/2012	1	15.360.000	15.360.000	
471	Khoa Văn - VP	02001.02.030000.011	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Văn Nguyễn	01/01/2012	1	14.064.223	14.064.223	
472	Khoa Lịch Sử - VP	01701.02.030000.012	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Bình Minh	01/01/2012	1	14.064.223	14.064.223	
473	Khoa Lịch Sử - VP	01701.02.030000.017	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Trọng Văn	01/01/2012	1	14.064.223	14.064.223	
474	Khoa Sinh Học - TH	01602.00.030000.254	Phòng TN đại cương:	01/01/2012	1	200.485.422	200.485.422	
475	Khoa Sinh Học - TH	01602.00.030000.255	Thiết bị phòng đại cương	01/01/2012	1	281.577.682	281.577.682	
476	Khoa ĐTVT - TH	00702.00.030000.160	Phần mềm Debug ChipScopeTM Pro	01/01/2012	1	12.000.000	12.000.000	
477	Khoa ĐTVT - TH	00702.00.110000.155	Đồng hồ đo nhiệt độ	19/11/2015	1	8.500.000	8.500.000	
478	Khoa ĐTVT - TH	00702.02.030000.083	Robot tự hành	01/01/2012	1	27.318.830	27.318.830	
479	Khoa Vật Lý: Vật lý đại cương 1 - 415	03702.00.120000.007	Bảng từ 2.4 m	01/01/2006	1	1.764.000	1.764.000	
480	Khoa Vật Lý: Cơ Nhiệt - 317	03708.00.120000.003	Giá thiết bị	01/01/2002	1	1.111.000	1.111.000	
481	Khoa Vật Lý - TH	01302.00.110000.004	Máy hút ẩm Sam sung	01/01/1996	11	42.669.440	42.669.440	
482	Khoa Vật Lý: Điện Quang - 411; 412	03705.00.120000.003	Giá thiết bị	01/01/2002	2	2.222.000	2.222.000	
483	Khoa Vật Lý - TH	01302.10.110000.003	Máy phát xung chức năng TFG-3205E	31/12/2014	4	17.248.000	17.248.000	

STT	Đơn vị	Mã TS	Tên tài sản	Ngày tăng	SL	Nguyên giá	Hao mòn	Giá
484	Khoa Vật Lý - TH	01302.00.110000.214	Bộ TN: Khảo sát lực đàn hồi	01/01/2010	1	1.834.000	1.834.000	
485	Khoa Sinh Học - TH	01602.00.110000.016	Máy hút âm Samsung	01/01/1993	2	6.200.000	6.200.000	
486	Khoa CNTT - TH	00202.00.110000.031	ôn áp LIOA 10KVA	01/01/2007	2	9.928.000	9.928.000	
487	Phòng TN: Chương trình mục tiêu quốc gia 2014	00208.03.120000.007	Ghế họp Hòa Phát SL718HM	31/12/2014	24	33.264.000	33.264.000	
488	Phòng TN: Chương trình mục tiêu quốc gia 2014	00208.03.120000.006	Bàn họp Hòa Phát CT2010H7	31/12/2014	4	17.776.000	17.776.000	
489	Phòng TH: PPGD - Dự án TCNL 2014	00206.10.120000.002	Bàn họp Hòa Phát CT2010H7	31/12/2014	1	4.455.000	4.455.000	
490	Phòng TH: PPGD - Dự án TCNL 2014	00206.10.120000.003	Ghế họp Hòa Phát SL718HM	31/12/2014	7	9.779.000	9.779.000	
491	Phòng SH bộ môn PPGD - Dự án TC 2014	00205.10.030000.002	Máy tính xách tay DELL Latitude 3440 3440	31/12/2014	1	18.480.000	18.480.000	
492	Phòng SH bộ môn PPGD - Dự án TC 2014	00205.10.030000.001	Máy tính xách tay DELL Latitude 3440 3440	31/12/2014	1	18.480.000	18.480.000	
493	Phòng SH bộ môn PPGD - Dự án TC 2014	00205.10.030000.003	Máy tính xách tay DELL Latitude 3440 3440	31/12/2014	1	18.480.000	18.480.000	
494	Phòng SH bộ môn PPGD - Dự án TC 2014	00205.10.030000.004	Máy tính xách tay DELL Latitude 3440 3440	31/12/2014	1	18.480.000	18.480.000	
495	Khoa CNTT - TH	00202.00.030000.436	-Máy vi tính Lenovo	27/09/2013	1	11.200.000	11.200.000	
496	Khoa CNTT - TH	00202.00.030000.467	Máy trạm Intel Core i3	26/05/2014	1	11.726.000	11.726.000	
497	Phòng thực hành tin học - A0404	00203.00.030000.018	Máy tính học viên SPC	30/12/2014	1	10.412.600	10.412.600	
498	Phòng thực hành tin học - A0 501	00204.02.030000.027	Máy tính sinh viên CMS Powercom, LCD 17"	30/12/2014	1	10.675.427	10.675.427	
499	Khoa CNTT: Thực hành máy tính 2 - A0 403	03728.00.120000.001	Bàn máy tính	01/01/2003	23	6.670.000	6.670.000	
500	Phòng Quản trị	02901.00.030000.253	Máy tính để bàn All in One ASUS	26/03/2013	1	21.225.000	21.225.000	
501	Phòng Quản trị	02901.00.030000.288	Máy chiếu đa năng NEC NP-P501XG	19/11/2014	1	73.945.000	73.945.000	
502	Phòng Quản trị	02901.00.030601.019	Máy chiếu Optoma EW610STi	26/03/2013	1	38.365.000	38.365.000	
503	Phòng Quản trị	02901.00.030601.020	Máy chiếu Optoma EW610STi	26/03/2013	1	38.365.000	38.365.000	
504	Phòng Quản trị	02901.00.030601.021	Máy chiếu Optoma EW610STi	26/03/2013	1	38.365.000	38.365.000	
505	Phòng Quản trị	02901.00.030601.022	Máy chiếu Optoma EW610STi	26/03/2013	1	38.365.000	38.365.000	
506	Phòng Quản trị	02901.00.030601.023	Máy chiếu Optoma EW610STi	26/03/2013	1	38.365.000	38.365.000	
507	Phòng Quản trị	02901.00.030601.024	Máy chiếu Optoma EW610STi	26/03/2013	1	38.365.000	38.365.000	
508	Phòng Quản trị	02901.00.030601.025	Máy chiếu Optoma EW610STi	26/03/2013	1	38.365.000	38.365.000	
509	Phòng Quản trị	02901.00.030601.026	Máy chiếu Optoma EW610STi	26/03/2013	1	38.365.000	38.365.000	
510	Phòng Quản trị	02901.00.030601.027	Máy chiếu Optoma EW610STi	26/03/2013	1	38.365.000	38.365.000	
511	Phòng Quản trị	02901.00.030601.028	Máy chiếu Optoma EW610STi	26/03/2013	1	38.365.000	38.365.000	
512	Phòng Quản trị	02901.00.030601.029	Máy chiếu Optoma EW610STi	26/03/2013	1	38.365.000	38.365.000	
513	Phòng Quản trị	02901.00.030601.030	Máy chiếu Optoma EW610STi	26/03/2013	1	38.365.000	38.365.000	
514	Phòng Quản trị	02901.00.030601.031	Máy chiếu Optoma EW610STi	26/03/2013	1	38.365.000	38.365.000	
515	Phòng Quản trị	02901.00.030601.032	Máy chiếu Optoma EW610STi	26/03/2013	1	38.365.000	38.365.000	
516	Phòng Quản trị	02901.00.030601.033	Máy chiếu Optoma EW610STi	26/03/2013	1	38.365.000	38.365.000	
517	Phòng Quản trị	02901.00.030601.034	Máy chiếu Optoma EW610STi	26/03/2013	1	38.365.000	38.365.000	
518	Phòng Quản trị	02901.00.030601.035	Máy chiếu Optoma EW610STi	26/03/2013	1	38.365.000	38.365.000	
519	Phòng Quản trị	02901.00.030601.049	Máy chiếu Optoma EW610STi	5/01/2012	1	38.365.000	38.365.000	
520	Phòng Quản trị	02901.02.030000.012	Thiết bị chỉnh tiếng EQ-2030	01/01/2012	1	17.289.397	17.289.397	
521	Phòng Quản trị	02901.04.030000.020	Bàn trộn âm thanh	26/07/2013	1	29.106.000	29.106.000	
522	Phòng Quản trị	02901.04.030000.032	Đèn sân khấu Moving Head	26/07/2013	1	19.334.700	19.334.700	
523	Phòng Quản trị	02901.04.030000.033	Đèn sân khấu Moving Head	26/07/2013	1	19.334.700	19.334.700	
524	Phòng Quản trị	02901.04.030000.034	Đèn sân khấu Moving Head	26/07/2013	1	19.334.700	19.334.700	
525	Phòng Quản trị	02901.04.030000.035	Đèn sân khấu Moving Head	26/07/2013	1	19.334.700	19.334.700	
526	Phòng Quản trị	02901.06.030000.041	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	31/12/2015	1	31.020.000	31.020.000	
527	Phòng Quản trị	02901.06.030000.042	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	31/12/2015	1	31.020.000	31.020.000	
528	Phòng Quản trị	02901.06.030000.043	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	31/12/2015	1	31.020.000	31.020.000	
529	Phòng Quản trị	02901.06.030000.044	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	31/12/2015	1	31.020.000	31.020.000	
530	Phòng Quản trị	02901.06.030000.102	Máy lọc nước HM2681-RO	31/12/2015	1	17.500.000	17.500.000	
531	Phòng Quản trị	02901.06.030000.103	Máy lọc nước HM2681-RO	31/12/2015	1	17.500.000	17.500.000	
532	Phòng Quản trị	02901.06.030000.104	Máy lọc nước HM2681-RO	31/12/2015	1	17.500.000	17.500.000	
533	Phòng Quản trị	02901.06.030000.105	Máy lọc nước HM2681-RO	31/12/2015	1	17.500.000	17.500.000	
534	Phòng Quản trị	02901.06.030000.106	Máy lọc nước HM2681-RO	31/12/2015	1	17.500.000	17.500.000	
535	Phòng Quản trị	02906.00.030000.006	Bộ xử lý tín hiệu Equalizer 31 dải tần Stereo	5/01/2012	1	27.500.000	27.500.000	
536	Phòng Quản trị	02906.02.030000.006	Loa 2 way, 400w-800w - LS1502	13/06/2013	1	19.181.393	19.181.393	
537	Phòng Quản trị	02907.03.030000.020	Máy chiếu cường độ sáng 4000 Ansi Lumens NEC NP-P401W	13/06/2013	1	36.630.000	36.630.000	

STT	Đơn vị	Mã TS	Tên tài sản	Ngày tăng	SL	Nguyên giá	Hao mòn	Giá
538	Phòng Quản trị	02907.03.030000.021	Máy chiếu đa cường độ sáng 3100 Ansi Lumens NEC M311W	13/06/2013	1	22.924.000	22.924.000	
539	Phòng Quản trị	02907.03.030000.022	Máy chiếu đa cường độ sáng 3100 Ansi Lumens NEC M311W	13/06/2013	1	22.924.000	22.924.000	
540	Phòng Quản trị	02907.03.030000.023	Máy chiếu đa cường độ sáng 3100 Ansi Lumens NEC M311W	13/06/2013	1	22.924.000	22.924.000	
541	Phòng Quản trị	02907.03.030000.024	Máy chiếu đa cường độ sáng 3100 Ansi Lumens NEC M311W	13/06/2013	1	22.924.000	22.924.000	
542	Phòng Quản trị	02901.00.110000.086	Khoan cắt bê tông	01/01/2009	1	2.500.000	2.500.000	
543	Phòng Quản trị	02901.00.110000.087	Thang nhôm	01/01/2009	1	1.200.000	1.200.000	
544	Phòng Quản trị	02901.00.110000.088	Máy bơm nước	01/01/2009	1	2.250.000	2.250.000	
545	Phòng Quản trị	02901.00.110000.136	Micro không dây TOA (WM-4220)	19/11/2015	1	5.082.000	5.082.000	
546	Phòng Quản trị	02901.00.110000.137	Micro không dây TOA (WM-4220)	19/11/2015	1	5.082.000	5.082.000	
547	Phòng Quản trị	02901.00.110000.138	Micro không dây TOA (WM-4220)	19/11/2015	1	5.082.000	5.082.000	
548	Phòng Quản trị	02901.00.110000.175	Rack System 27U Vietrack	19/11/2015	1	8.960.000	8.960.000	
549	Phòng Quản trị	02901.00.110000.176	Equalizer DBX 1231	19/11/2015	1	7.200.000	7.200.000	
550	Phòng Quản trị	02901.00.110000.178	Bộ Micro không dây 5220-5810	19/11/2015	1	9.400.000	9.400.000	
551	Phòng Quản trị	02901.00.110000.230	Xe gom rác, thùng đựng rác t.9.2016	05/09/2016	10	14.434.737	14.434.737	
552	Phòng Quản trị	02901.01.110000.001	Máy bơm dầu bằng tay (phục vụ máy phát)	29/05/2015	1	950.000	950.000	
553	Phòng Quản trị	02901.02.110000.016	Màn chiếu treo tường	01/01/2010	15	30.000.000	30.000.000	
554	Phòng Quản trị	02901.02.110000.017	Già treo máy chiếu	01/01/2010	10	25.000.000	25.000.000	
555	Phòng Quản trị	02901.02.110000.023	Tủ thiết bị 27U	19/11/2015	1	8.873.124	8.873.124	
556	Phòng Quản trị	02901.04.110000.012	Chân đèn sân khấu	26/07/2013	1	990.000	990.000	
557	Phòng Quản trị	02901.04.110000.019	Hệ thống Micro không dây	19/11/2015	1	6.264.500	6.264.500	
558	Phòng Quản trị	02901.04.110000.020	Hệ thống Micro không dây	19/11/2015	1	6.264.500	6.264.500	
559	Phòng Quản trị	02901.04.110000.021	Hệ thống Micro không dây	19/11/2015	1	6.264.500	6.264.500	
560	Phòng Quản trị	02901.04.110000.022	Hệ thống Micro không dây	19/11/2015	1	6.264.500	6.264.500	
561	Phòng Quản trị	02901.04.110000.023	Hệ thống Micro không dây	19/11/2015	1	6.264.500	6.264.500	
562	Phòng Quản trị	02901.04.110000.024	Hệ thống Micro không dây	19/11/2015	1	6.264.500	6.264.500	
563	Phòng Quản trị	02901.04.110000.025	Hệ thống Micro không dây	19/11/2015	1	6.264.500	6.264.500	
564	Phòng Quản trị	02901.04.110000.026	Cục công suất ánh sáng	19/11/2015	1	5.808.000	5.808.000	
565	Tài sản thu hồi - chờ điều chuyển	02906.00.110000.006	Đầu Kraoke 6 số	13/06/2013	1	4.500.000	4.500.000	
566	Phòng Quản trị	02901.00.030000.097	Bộ điều khiển trung tâm	01/01/2009	1	137.880.000	137.880.000	
567	Phòng Quản trị	02901.00.030000.231	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450	01/01/2012	1	15.360.000	15.360.000	
568	Tài sản thu hồi - chờ điều chuyển	02906.10.030000.004	Tivi Samsung Led 40 inch 40H5500	5/01/2012	1	12.980.000	12.980.000	
569	Phòng Quản trị	02901.00.110000.096	Máy bơm áp lực rửa xe	01/01/2010	1	3.500.000	3.500.000	
570	Phòng Quản trị	02901.00.110000.130	Xe gom rác dây tay 3 bánh	04/06/2015	15	48.000.000	48.000.000	
571	Phòng Quản trị	02901.00.110000.154	Micro không dây Toa	19/11/2015	1	5.480.000	5.480.000	
572	Phòng Quản trị	02901.00.110000.155	Micro không dây Toa	19/11/2015	1	5.480.000	5.480.000	
573	Phòng Quản trị	02901.00.110000.156	Micro không dây Toa	19/11/2015	1	5.480.000	5.480.000	
574	Phòng Quản trị	02901.00.110000.157	Micro không dây Toa	19/11/2015	1	5.480.000	5.480.000	
575	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02701.00.030000.036	Máy in HP P2035	5/01/2012	1	7.254.720	7.254.720	
576	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02701.00.030000.047	Máy kiểm kho CPT8000L	12/04/2013	1	17.100.000	17.100.000	
577	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02701.00.030000.048	Máy kiểm kho CPT8000L	12/04/2013	1	17.100.000	17.100.000	
578	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02701.00.030000.050	Máy tính để bàn All in One ASUS	26/03/2013	1	21.225.000	21.225.000	
579	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02701.00.030000.052	Máy tính để bàn All in One ASUS	26/03/2013	1	21.225.000	21.225.000	
580	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02701.00.030000.054	Máy tính để bàn All in One ASUS	26/03/2013	1	21.225.000	21.225.000	
581	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02701.00.030000.055	Máy tính để bàn All in One ASUS	26/03/2013	1	21.225.000	21.225.000	
582	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02701.00.030000.056	Máy tính để bàn All in One ASUS	26/03/2013	1	21.225.000	21.225.000	
583	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02701.00.030000.057	Máy tính để bàn All in One ASUS	26/03/2013	1	21.225.000	21.225.000	
584	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02701.00.030000.058	Máy tính để bàn All in One ASUS	26/03/2013	1	21.225.000	21.225.000	
585	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02701.00.030000.059	Máy tính để bàn All in One ASUS	26/03/2013	1	21.225.000	21.225.000	
586	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02701.00.030000.060	Máy tính để bàn All in One ASUS	26/03/2013	1	21.225.000	21.225.000	
587	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02701.00.030000.061	Máy tính để bàn All in One ASUS	26/03/2013	1	21.225.000	21.225.000	
588	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02701.02.030000.018	Máy Photocopy Canon Image RUNNER 2520	01/01/2012	1	95.996.991	95.996.991	
589	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02701.06.030000.003	UPS Online 3KVA - Dùng cho máy chủ	07/12/2015	1	27.500.000	27.500.000	
590	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02701.07.030201.001	máy tính xách tay Sony VaiO SVE14126	20/02/2014	1	23.485.000	23.485.000	
591	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02701.00.110000.001	Két bạc cỡ lớn 175E	01/01/1997	1	1.800.000	1.800.000	

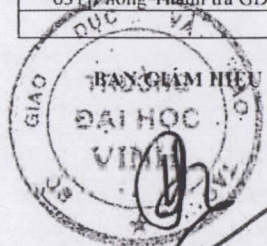
STT	Đơn vị	Mã TS	Tên tài sản	Ngày tăng	SL	Nguyên giá	Hao mòn	Giá	
592	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02701.00.110000.002	Két bạc	01/01/2001	1	1.850.000	1.850.000		
593	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02701.00.110000.010	Máy in canon 3300	01/01/2011	1	4.600.000	4.600.000		
594	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02701.00.110000.015	Máy Fax Panasonic KX MB2030	19/11/2015	1	7.950.000	7.950.000		
595	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02701.00.110000.017	Máy in HP laser Pro 400 M401d	19/11/2015	1	9.462.000	9.462.000		
596	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02701.01.110000.001	Cây nước nóng lạnh HuynDai 300	07/03/2016	1	4.800.000	4.800.000		
597	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02701.01.110101.002	Máy in HP Laser jet Pro M400 401d - Diệu	5/01/2012	1	7.500.000	7.500.000		
598	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02701.01.110101.003	Máy in HP Laser jet Pro M400 401d - Việt Anh	5/01/2012	1	7.500.000	7.500.000		
599	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02701.06.120000.004	Tủ nước	31/12/2015	1	4.089.800	4.089.800		
600	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.01.030107.018	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669 MT - Cyber Uni	13/06/2013	1	18.500.000	18.500.000		
601	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.01.030107.019	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669 MT - Cyber Uni	13/06/2013	1	18.500.000	18.500.000		
602	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.01.031001.169	Thiết bị Wifi Indoor-Cisco Aironet 1700 Series Access Points 2016	20/07/2016	1	37.828.000	30.262.400		
603	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.01.031001.176	Thiết bị Wifi Outdoor-Cisco Aironet 1570 Series Outdoor 2016	20/07/2016	1	60.378.000	48.302.400	1	
604	Trung tâm ứng dụng CNTT	04801.02.030000.128	Bộ phát sóng ngoài trời với antenna kiểu 1	01/01/2012	1	52.421.200	52.421.200		
605	TT CNTT - Nhà A0	04805.01.030501.082	Điều hòa LG 12.000 BTU 2018 - Ao	28/06/2017	1	12.000.000	12.000.000		
606	Khối THPT Chuyên	00501.00.030000.029	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450	01/01/2012	1	15.360.000	15.360.000		
607	Khối THPT Chuyên	00501.00.030000.030	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450	01/01/2012	1	15.360.000	15.360.000		
608	Khối THPT Chuyên	00501.00.030000.031	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450	01/01/2012	1	15.360.000	15.360.000		
609	Khối THPT Chuyên	00501.02.030000.003	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450	01/01/2012	1	14.064.223	14.064.223		
610	Khối THPT Chuyên	00501.00.030000.038	Máy tính để bàn All in One ASUS	26/03/2013	1	21.225.000	21.225.000		
611	Khối THPT Chuyên	00501.00.030000.039	Máy tính để bàn All in One ASUS	26/03/2013	1	21.225.000	21.225.000		
612	Khối THPT Chuyên	00501.02.030000.002	Máy chiếu đa năng Optoma EX-612	01/01/2012	1	21.742.063	21.742.063		
613	Khối THPT Chuyên	00501.04.030000.057	Máy chiếu Sony VPL-FX35	01/01/2012	1	112.569.500	112.569.500		
614	Khối THPT Chuyên	00501.04.030000.215	Máy chiếu đa năng Mitsubishi	01/01/2012	1	63.156.000	63.156.000		
615	Khối THPT Chuyên	00501.04.030000.216	Máy chiếu vật thể	01/01/2012	1	57.798.000	57.798.000		
616	Khối THPT Chuyên	00501.04.030000.180	Đài catsét cho giáo viên	01/01/2012	1	13.053.000	13.053.000		
617	Khối THPT Chuyên	00501.00.110000.009	Màn chiếu 2 chân	01/01/2007	1	1.500.000	1.500.000		
618	Khối THPT Chuyên	00501.00.110000.019	Máy in HP Laserjet P2035	19/11/2015	1	6.100.000	6.100.000		
619	Khối THPT Chuyên	00501.01.110000.134	Loa nền TC 651M	3/12/2017	2	6.800.000	6.800.000		
620	Khối THPT Chuyên	00501.04.110000.006	Loa TOA	01/01/2012	2	513.000	513.000		
621	Khối THPT Chuyên	00501.04.110000.007	Âmpli TOA	01/01/2012	1	1.064.000	1.064.000		
622	Khoa Xây dựng - VP	02101.06.030000.001	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020MT	31/12/2015	1	18.500.000	18.500.000		
623	Trung tâm GDTX	03501.01.030104.001	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020 MT - An Hòa	12/04/2016	1	18.500.000	14.800.000		
624	Trung tâm GDTX - VP Đồng Nai	03502.01.030106.001	Máy tính Dell Optiplex 3040 - 2017	24/02/2017	1	18.150.000	10.890.000		
625	Phòng HTQT -	02302.01.110102.001	Máy in HP Laser jet Pro M402 - 2017 -	5/01/2012	1	8.500.000	8.500.000		
626	Trung tâm GDTX - VP Đồng Nai	03502.01.110102.001	Máy in HP laser Pro M402d - VP Đồng Nai - 2017	5/01/2012	1	8.800.000	8.800.000		
627	Đoàn Cơ sở	04701.00.110000.022	Điều hòa 12 000 BTU	19/11/2015	1	7.100.000	7.100.000		
628	Đoàn Cơ sở	04701.00.110000.023	Điều hòa 12 000 BTU	19/11/2015	1	7.100.000	7.100.000		
629	Đoàn Cơ sở	04701.00.110000.024	Điều hòa 12 000 BTU	19/11/2015	1	7.100.000	7.100.000		
630	Nhà Xuất Bản	05301.01.110102.245	Máy in HP Pro 402D - 2018	19/12/2013	1	8.500.000	8.500.000		
631	Phòng Thanh tra GD	03101.01.030106.001	Máy tính Dell Optiplex 3046 - Phòng Thanh tra - 2017	14/09/2017	1	18.150.000	10.890.000		
<b>Tổng cộng</b>						<b>2.255</b>	<b>11.787.514.466</b>	<b>11.421.649.371</b>	<b>36</b>

Nghệ An, ngày 15 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHÒNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

Trần Đình Diệu



PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
GS.TS. Nguyễn Huy Bằng